

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 301/2024/TLST-DS ngày 5 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Người được chị T ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại TAND tỉnh Hải Dương : Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh T1, anh Q có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/10/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị T về sinh sống cùng gia đình anh Q; thời gian đầu, vợ chồng tình cảm, không có mâu thuẫn nhiều. Năm 2017, chị T đi lao động tại Nhật Bản, anh Q ở nhà lao động và nuôi con, vợ chồng không quan tâm, hỏi han và liên lạc với nhau, thời gian vừa qua chị về Việt Nam nhưng vợ chồng không sống cùng, chị đón con về nhà ngoại để gặp con. Mặc dù hai bên gia đình cũng cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không được. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn M, sinh ngày 08/7/2009 và Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2012, hiện hai cháu đang ở cùng anh Q. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q với số tiền 2.000.000đ/01 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có ủy quyền cho anh T1 thay mặt chị giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa chị và anh Q, anh T1 nhất trí.

- Bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày: Về điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng, từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Năm 2017, chị T đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu chị T thường liên lạc về, vợ chồng nói chuyện vui vẻ. Tuy nhiên, từ sau dịch C, khoảng năm 2021-2022 chị T không còn chuyện trò với anh như trước, mỗi lần điện thoại về chị T chỉ nói chuyện cùng con, thời gian vừa qua chị T về Việt Nam nhưng về nhà ngoại, chỉ đón con về chơi cùng, chị T không gặp và không chuyện trò cùng anh. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn M, sinh ngày 08/7/2009 và Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2012, hiện hai con đang ở cùng anh. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q với số tiền 2.000.000đ/01 con chung/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Q nhất trí, đề nghị TAND tỉnh Hải Dương giao hai con cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh, tuy nhiên chị T tự nguyện cấp dưỡng anh đồng ý.

Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không có tài sản, công nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh Q. Về con chung, giao con Hoàng Văn M, sinh ngày 08/7/2009 và Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Hoàng Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q số tiền 2.00.000đ/01con/01 tháng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Nguyên đơn chị Mai Thị T hiện đang sinh sống và làm việc Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, chị T, anh Q, anh T1 vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/10/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh Q đều xác định vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, năm 2017 chị T đi lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu vợ chồng vẫn chuyện trò, từ năm 2022 vợ chồng không hỏi han, quan tâm đến nhau. Chị T và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn xin ly hôn anh Q nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Hoàng Văn M, sinh ngày 08/7/2009 và Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2012; hiện hai cháu đang ở cùng anh Q. Chị T và anh Q có quan điểm giao hai con cho anh Q nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các con chung đều có nguyện vọng ở cùng bố. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến của chị T, anh Q, giao hai con cho anh Q tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nhưng nếu chị T tự nguyện anh đồng ý. Xét thấy, sự tự nguyện của chị T là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q với số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Hoàng Văn M, sinh ngày 08/7/2009 và Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Hoàng Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q với số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Mai Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con; đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000771 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T còn phải nộp 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến

